

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2025

“V/v Tranh chấp HNGĐ

- xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Tuấn

Ông Lê Văn Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2024/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu T - Sinh năm: 1985 (Có mặt)

-Bị đơn: Anh Phan Chí T1 - Sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Nguyễn Thu T trình bày:

Chị T và anh T1 tự tìm hiểu nhau 01 năm, sau đó được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được khoảng hơn 19 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân từ tháng 03/2024 cho đến nay. Chị T cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Chí P - sinh ngày: 08/01/2002, Phan Ngọc P1 - sinh ngày: 07/4/2004 và Phan Ngọc M - sinh ngày: 19/9/2016.

Hiện cháu P và cháu P1 đã trưởng thành, cháu M đang chung sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn - anh Phan Chí T1:

Anh T1 xác định cuộc sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng cãi nhau mâu thuẫn nhỏ nhất, vợ chồng vẫn chung sống, không ly thân. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 không đồng ý do còn thương vợ và các con.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Chí P - sinh ngày: 08/01/2002, Phan Ngọc P1 - sinh ngày: 07/4/2004 và Phan Ngọc M - sinh ngày: 19/9/2016. Hiện cháu P và cháu P1 đã trưởng thành, cháu M đang chung sống với chị T, anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng anh T1 không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T1 được ly hôn với anh T.

Về con chung: Cháu P và cháu P1 đã trưởng thành, cháu M đã trên 07 tuổi, cháu M đang chung sống ổn định với chị T và có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Do đó đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, do đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí, buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thu T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Phan Chí T1. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có

nơi cư trú tại xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện Thoặc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và anh Phan Chí T1 cưới nhau vào năm 2001, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh T1 đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....”*. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T nhưng không đưa ra được giải pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, anh chị tiếp tục sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc khác theo kết quả xác minh tại địa phương xác định chị T có trình báo với Ban lãnh đạo ấp về việc phát sinh mâu thuẫn giữa anh chị nên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T1 và chị T ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn với anh Phan Chí T1.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 cùng xác định có 03 con chung tên Phan Chí P - sinh ngày: 08/01/2002, Phan Ngọc P1 - sinh ngày: 07/4/2004 và Phan Ngọc M - sinh ngày: 19/9/2016. Hiện cháu P và cháu P1 đã trưởng thành, cháu M đang chung sống với chị T, cháu M hiện trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M, anh T1 không có ý kiến phản đối. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008779

ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn với anh Phan Chí T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc M - sinh ngày: 19/9/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008779 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị T được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 11/3/2025. Anh T1 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúc An

Trương Thanh Tuấn Lê Văn C

Nguyễn Thúc A

